TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09- 7- 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Tảo;

2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1976;

Cư trú tại: Tổ 04, ấp L, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1962;

Cư trú tại: Tổ 04, ấp L, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Bùi Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2003 không có đăng ký kết hôn cho đến nay. Sau khi về chung sống vợ chồng với ông S, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông S lúc đầu cũng hạnh phúc nhưng từ năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường

xuyên tranh cải với nhau. Bà và ông S đã ly thân từ cuối năm 2012. Nay bà Bùi Thị L yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn S.

- Về con chung:

Bà và ông Trần Văn S chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thanh X, sinh ngày 03/7/2005, Trần Thanh M, sinh ngày 22/9/2010 và Trần Bùi Minh H, sinh ngày 20/6/2013; 03 con chung đang sống cùng với bà. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - ông Trần Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị L tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2003 không có đăng ký kết hôn cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Ông và bà L đã ly thân từ năm 2012, bà L yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị L.

- Về con chung: Ông và bà Bùi Thị L chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thanh X, sinh ngày 03/7/2005, Trần Thanh M, sinh ngày 22/9/2010 và Trần Bùi Minh H, sinh ngày 20/6/2013 hiện tại 03 con chung đang sống với bà L. Nếu ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh M, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi cháu M; ông đồng ý giao 02 con chung tên Trần Thanh X và Bùi Trần Minh H cho bà L nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Về hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S chung sống vợ chồng từ năm 2003 đến nay có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên việc chung sống của bà L, ông S không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông S, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông S.

+ Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Thanh X, sinh ngày 03/7/2005, Trần Thanh M, sinh ngày 22/9/2010 và Trần Bùi Minh H, sinh ngày 20/6/2013 cho bà Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông S.

[2] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S chung sống vợ chồng từ năm 2003 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng bà L và ông S không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông S, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S thống nhất có 03 con chung tên Trần Thanh X, sinh ngày 03/7/2005; Trần Thanh M, sinh ngày 22/9/2010 và Trần Bùi Minh H, sinh ngày 20/6/2013. Bà L và ông S thống nhất giao con chung tên Trần Thanh X và Trần Bùi Minh H cho bà L trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn tự nguyện và đúng với nguyện vọng của cháu Xuân và sự tự nguyện của các bên nên ghi nhận.

Ông Trần Văn S có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh M. Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu M hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với bà L, cháu M đang được bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục nên giao cháu M cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu M và phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà L đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi các con thành niên nhưng bà L vẫn không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 81, khoản 2 Điều 82 , Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh Xuân, sinh ngày 03/7/2005; cháu Trần Thanh M, sinh ngày 22/9/2010 và cháu Trần Bùi Minh H, sinh ngày 20/6/2013 cho bà Bùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Bùi Thị L không yêu cầu ông Trần Văn S cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, bà Bùi Thị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Ông S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006156 ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà Bùi Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Bùi Thị L và ông Trần Văn S có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT ;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (N^3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh (đã ký)